

Số: 80/2009/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ các Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1898/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2009 về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010; Số 1908/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2009 về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2010;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 1770/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2009 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010; Số 278/QĐ-BKH ngày 19 tháng 11 năm 2009 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển thuộc Ngân sách nhà nước năm 2010;

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 2880/QĐ-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2009 về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2010;

Căn cứ các Nghị quyết kỳ họp lần thứ 13 Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu khóa IV: Số 12/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010; Số 14/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 về phê chuẩn phương án phân bổ ngân sách năm 2010 và Văn bản số 630/HĐND-VP ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc bổ sung điều chỉnh tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách năm 2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho các Sở, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị, các Hội, Đoàn thể thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2010 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2010 do UBND Tỉnh giao, Giám đốc các Sở, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các Hội, Đoàn thể tổ chức thực hiện, tiến hành giao cho các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2010.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Thống kê, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Chủ đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan Hội, Đoàn thể và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và báo cáo, đề xuất với UBND Tỉnh các biện pháp để điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2010./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND Tỉnh;
- UB Mặt trận tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các Đoàn thể cấp Tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đài PTTH Tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh (để theo dõi)
- Như điều 4;
- Lưu: VT, TH. *KW*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *nghe*
CHỦ TỊCH



Trần Minh Sanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2009/QĐ.UBND ngày 16/12/2009 của UBND Tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2010
A	<u>Tổng thu NSNN trên địa bàn</u>	78.988.042
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	16.690.000
2	Thu từ dầu thô	45.600.000
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	16.450.000
4	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	248.042
B	<u>Thu ngân sách địa phương</u>	6.529.228
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	5.210.102
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%	888.000
	- Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.322.102
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	420.292
	- Bổ sung cân đối	
	- Bổ sung có mục tiêu	420.292
3	Thu tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính	0
4	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	248.042
5	Thu kết dư năm trước chuyển sang	650.792
C	<u>Chi ngân sách địa phương</u>	6.529.228
1	Chi đầu tư phát triển	3.259.378
2	Chi thường xuyên	2.777.538
3	Dự phòng tài chính	244.270
4	Chi bằng nguồn thu đơn vị để lại chi quản lý qua NSNN	248.042

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Hồ Văn Rao

CHỦ TỊCH



Trần Minh Sanh

(1)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80 /2009/QĐ.UBND ngày 16/12/2009 của UBND Tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

S TT	Nội dung	Dự toán năm 2010
A	Ngân sách cấp tỉnh	
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	5.663.571
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	4.369.141
	- Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	791.214
	- Các khoản thu phân chia phần NS cấp tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.577.927
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	420.292
	- Bổ sung cân đối	0
	- Bổ sung có mục tiêu	420.292
3	Thu tạm ứng từ quỹ dự trữ tài chính	0
4	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	223.346
5	Thu kết dư năm trước chuyển sang	650.792
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	5.663.571
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (Không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới)	4.169.788
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh	1.093.509
	- Bổ sung cân đối	700.964
	- Bổ sung có mục tiêu	392.545
3	Chi dự phòng	176.928
4	Chi bằng nguồn thu đơn vị để lại chi quản lý qua NSNN	223.346
B	Ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường, thị trấn)	
I	Nguồn thu ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.959.166
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	840.961
	- Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%	96.786
	- Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	744.175
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	1.093.509
	- Bổ sung cân đối	700.964
	- Bổ sung có mục tiêu	392.545
3	Các khoản thu để lại đơn vị chi quản lý qua NSNN	24.696
II	Chi ngân sách huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.959.166

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Hà Văn Rao

(2)



CHỦ TỊCH

Trần Minh Sơn

NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2009/QĐ.UBND ngày 16/12/2009 của UBND Tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội Dung	Dự Toán 2010 TW Giao		Dự Toán phân đầu của Địa phương năm 2010	
	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
Tổng thu NSNN trên địa bàn	78.350.000	5.240.394	78.988.042	6.529.228
I/ Thu từ dầu thô	45.600.000		45.600.000	
II/ Thu từ thuế XNK	16.450.000		16.450.000	
III/ Thu nội địa	16.300.000	4.820.102	16.690.000	5.210.102
Trong đó: Do ngành thuế thực hiện	16.254.800	4.774.902	16.644.800	5.164.902
1/ Thu từ DN QD TW	3.800.000	1.370.690	3.800.000	1.370.690
- Thuế giá trị gia tăng	1.683.000	774.180	1.683.000	774.180
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.141.000	524.860	1.141.000	524.860
- Thu nhập sau thuế từ dầu khí			-	
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	155.000	71.300	155.000	71.300
- Thuế tài nguyên	820.000		820.000	
- Thuế môn bài	350	350	350	350
- Thu khác (phạt, ...)	650		650	
2/ Thu từ DN QD ĐP	200.000	92.432	200.000	92.432
- Thuế giá trị gia tăng	144.200	66.332	144.200	66.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.000	25.300	55.000	25.300
- Thuế TTĐB		-	-	-
- Thuế tài nguyên	200	200	200	200
- Thuế môn bài	300	300	300	300
- Thu khác	300	300	300	300
3/ Thu từ DN đầu tư nước ngoài	8.160.000	1.457.508	8.160.000	1.457.508
- Thuế giá trị gia tăng	2.960.000	823.400	2.960.000	823.400
Tr.đó: Thu từ thăm dò và khai thác DK	1.170.000		1.170.000	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.570.000	630.200	1.570.000	630.200
Tr.đó: Thu từ thăm dò và khai thác DK	200.000		200.000	
- Khí lãi được chia của Chính phủ Việt Nam	3.550.000		3.550.000	
- Tiền thuê mặt nước, mặt đất	74.000	1.000	74.000	1.000
- Thuế TTĐB hàng nội địa	2.300	1.058	2.300	1.058
- Thuế môn bài	1.100	1.100	1.100	1.100
- Các khoản thu khác	1.850		1.850	-
- Thuế tài nguyên	750	750	750	750
4/ Thu ngoài quốc doanh	1.150.000	543.472	1.150.000	543.472
- Thuế giá trị gia tăng	871.200	400.752	871.200	400.752
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	245.000	112.700	245.000	112.700
- Thuế tài nguyên	4.500	4.500	4.500	4.500
- Thuế môn bài	17.300	17.300	17.300	17.300
- Thuế TTĐB	7.000	3.220	7.000	3.220
- Thu khác	5.000	5.000	5.000	5.000
5 / Lệ phí trước bạ	150.000	150.000	150.000	150.000
6/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp	600	600	600	600
7/ Thuế nhà đất	21.000	21.000	21.000	21.000
8/ Thuế thu nhập	1.250.000	575.000	1.250.000	575.000

Nội Dung	Dự Toán 2010 TW Giao		Dự Toán phân đầu của Địa phương năm 2010	
	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
9/ Thu xổ số kiến thiết			390.000	390.000
10/ Phí xăng dầu	550.000	253.000	550.000	253.000
11/ Thu phí và lệ phí	52.000	30.000	52.000	30.000
-Phí và lệ Phí TW (Bao gồm cả lệ Phí GT)	22.000		22.000	
-Phí và lệ phí ĐP	30.000	30.000	30.000	30.000
12/ Thu cấp quyền sử dụng đất	200.000	200.000	200.000	200.000
13/ Thu tiền thuê đất	81.200	81.200	81.200	81.200
14/ Phí bảo vệ môi trường	640.000		640.000	
Thu Không Do Thuế Đảm Nhân	45.200	45.200	45.200	45.200
15/ Thu khác NS	40.000	40.000	40.000	40.000
16/ Thu tiền bán nhà	1.200	1.200	1.200	1.200
17/ Thu hoa lợi, quỹ đất công ích v.v.. tại xã	4.000	4.000	4.000	4.000
IV/ Trung ương trợ cấp		420.292		420.292
V/ Thu chuyên nguồn năm trước chuyển sang				650.792
VI/ Thu tam ứng quỹ dự trữ để đầu tư TTHC, tru sở CA, QS				
VII/ Các khoản thu được để lại quản lý qua ngân sách			248.042	248.042
1/ Học phí (gồm cả đào tạo nghề)			35.056	35.056
2/ Viện phí			172.700	172.700
3/ Sự nghiệp văn hóa TT			490	490
4/ Sự nghiệp kinh tế			3.906	3.906
5/ Quản lý nhà nước			890	890
6/ Chi từ nguồn xử phạt vi phạm HC			35.000	35.000
'+ An toàn giao thông			25.000	25.000
'+ Phạt hành chính khác			10.000	10.000

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Hà Văn Rao

CHỦ TỊCH



Trần Minh Sơnh

NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 80/2009/QĐ.UBND ngày 16/12/2009 của UBND Tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội Dung	TW	Dự Toán Điều hành chi NS 2010		
		Tổng Số	Tỉnh	Huyện, Xã
Tổng Chi NSDP (A+B)	5.240.394	6.529.228	4.570.062	1.959.166
A/ Tổng Chi cân đối ngân sách	5.240.394	6.281.186	4.346.716	1.934.470
<u>Tổng chi không bao gồm Dự phòng, dự trữ tài chính, chi trả nợ</u>	4.750.054	5.792.646	3.992.860	1.799.786
<u>I/ Chi Đầu Tư phát triển</u>	2.207.640	3.259.378	2.700.535	558.843
1/ Chi XDCB Từ nguồn NS tập trung	1.887.640	2.149.637	1.849.637	300.000
2/ Chi đầu tư hạ tầng từ nguồn thu tiền sử dụng đất	200.000	240.000	240.000	-
3/ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của TW	120.000	120.000	120.000	-
4/ Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	428.003	428.003	-
5/ Chi từ nguồn tạm ứng quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-
6/ Chi mua sắm, sửa chữa lớn tài sản	-	91.286	50.000	41.286
7/ Chi hỗ trợ vốn cho DN	-	-	-	-
8/ Chi từ nguồn tăng thu 2008 khối Huyện	-	175.535	-	175.535
9/ Chi từ nguồn hoàn thuế TNCN	-	42.022	-	42.022
10/ Chi bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường	-	12.895	12.895	-
<u>II/ Chi Thường Xuyên</u>	2.786.684	2.777.538	1.469.253	1.308.285
1/ Chi trợ giá theo chính sách		22.278	550	21.728
2/ Chi sự nghiệp kinh tế		513.215	263.494	249.721
- Trong đó: chi sự nghiệp môi trường	175.000	189.747	96.321	93.426
3/ Chi sự nghiệp giáo dục	783.167	591.992	147.466	444.526
4/ Chi đào tạo		92.409	79.311	13.098
5/ Chi sự nghiệp y tế		192.560	192.560	-
6/ Chi SN văn hoá thông tin		53.615	33.401	20.214
7/ Chi SN phát thanh truyền hình		29.786	24.060	5.726
8/ Chi SN Thể dục thể thao		22.598	18.827	3.771
9/ Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	26.801	46.149	46.149	-
10/ Chi đảm bảo xã hội		140.323	107.606	32.717
11/ Chi quản lý hành chính		495.295	204.654	290.641
- Chi quản lý Nhà nước		361.456	148.281	213.175
- Chi ngân sách Đảng		90.669	38.701	51.968
+ Trong đó chi cho Đại hội Đảng		8.432	2.300	6.132
- Đoàn thể		43.170	17.672	25.498
12/ Chi an ninh quốc phòng		56.122	26.357	29.765
13/ Chi khác ngân sách		140.455	128.143	12.312
Tr.đó: chi cho Đoàn đại biểu QH		800	800	-
14/ Chi thực hiện chương trình mục tiêu	51.782	81.782	81.782	-

Nội Dung	TW	Dự Toán Điều hành chi NS 2010		
		Tổng Số	Tỉnh	Huyện, Xã
15/ Chi bổ sung cải cách tiền lương	626.701	290.275	114.893	175.382
Trong đó: chi bổ sung lương mới cho sự nghiệp giáo dục		170.000	-	170.000
16/ Chi thi đua khen thưởng		8.684	-	8.684
III/ Dự phòng tài chính	244.270	244.270	176.928	67.342
IV/ Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.800	-	-	-
B. Các khoản chi được quản lý qua ngân sách		248.042	223.346	24.696
1/ Học phí (gồm cả đào tạo nghề)		35.056	10.360	24.696
2/ Viện phí		172.700	172.700	-
3/ Sự nghiệp Văn hoá thông tin		490	490	-
4/ Sự nghiệp kinh tế		3.906	3.906	-
5/ Quản lý nhà nước		890	890	-
6/ Chi từ nguồn xử phạt vi phạm hành chính		35.000	35.000	-
+ An toàn giao thông		25.000	25.000	-
+ Phạt hành chính khác		10.000	10.000	-

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH



Hà Văn Đào



CHỦ TỊCH *Trần Minh Sanh*

Trần Minh Sanh